

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
QUÝ IV NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 190/QĐ-BVĐK ngày 16/01/2025 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Quý IV 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý IV năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn vị				
1	Số thu sự nghiệp	855,571	212,495	24.84	105.95
	Thu giá viện phí	747,880	205,887	27.53	117.40
	Thu từ BHYT	566,961	153,832		
	Thu trực tiếp từ bệnh nhân	180,919	52,055		
1.2	Thu khác	107,691	6,608	6.14	26.24
	Nhà thuốc		3,606		
	Thu hoạt động khác		3,002		
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị	709,593	142,183	20.04	96.34
2.1	Chi sự nghiệp y tế	569,583	114,218	20.05	102.72
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó:	569,583	114,218	20.05	102.72
	- Chi cho con người	168,598	47,132		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	36,578	25,505		
	- Chi mua sắm TS, s/c phục vụ chuyên môn (bao gồm đặt máy)	271,947	32,546		
	- Chi nhà thuốc	76,887	2,278		
	- Chi khác	6,033	4,399		
	- Nộp ngân sách, lãi vay ODA	9,540	2,357		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	140,011	27,965	19.97	76.83
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Trong đó:	140,011	27,965	19.97	76.83
	- Chi cho con người	42,149	11,783		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	9,145	6,376		
	- Chi mua sắm, s/c phục vụ chuyên môn	67,987	8,137		
	- Chi nhà thuốc	19,222	570		
	- Chi khác	1,508	1,100		
	- Nộp ngân sách				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				